TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:102/2019/DS-ST Ngày 31-10-2019 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương

2. Ông Phạm Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2019/QĐST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 2002/4, Tổ 5, Ấp 1, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Tấn P, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 2002/4, Tổ 5, Ấp 1, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 14/5/2019). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 1379 (số cũ 21/98), đường Đ, Tổ 4, Khu phố 4, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn ông Đặng Tấn P trình bày:

Bà Bùi Thị M có cho bà Nguyễn Thị D vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 21/12/2016 bà Nguyễn Thị D vay số tiền 35.000.000 đồng

Ngày 01/01/2017 bà Nguyễn Thị D vay số tiền 50.000.000 đồng

Ngày 26/02/2017 bà Nguyễn Thị D vay số tiền 10.000.000 đồng

Ngày 10/7/2017 bà Nguyễn Thị D vay số tiền 10.000.000 đồng

Ngày 01/10/2018 bà Nguyễn Thị D vay số tiền 10.000.000 đồng

Tổng cổng là 115.000.000 đồng.

Việc vay tiền có làm giấy mượn tiền viết tay, bà D viết và ký tên nhận tiền. Khi vay không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả nợ là khi nào bà M cần tiền đòi lại thì báo 03 ngày. Đến nay thời gian đã lâu bà M yêu cầu nhiều lần nhưng bà D không trả nợ. Trước khi nộp đơn khởi kiện bà M đã liên hệ với bà D yêu cầu trả nợ nhưng vẫn không trả. Khi nộp đơn khởi kiện bà M đã gửi thông báo đòi nợ trước 03 ngày cho bà D như thỏa thuận nhưng bà D vẫn không trả.

Vì vậy, nay bà Bùi Thị M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà M số tiền nợ gốc là 115.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, bà Bùi Thị M yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả số tiền lãi là 30.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị M yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả lãi suất nợ quá hạn theo mức lãi suất ngân hàng nhà nước quy định tính từ ngày có đơn khởi kiện cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử tạm tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2019 (sau 03 ngày kể từ ngày có thông báo đòi nợ) đến khi xét xử sơ thẩm là 4 tháng là: 115.000.000 x 4 tháng x 1.25%/tháng = 5.750.000 đồng. Tuy nhiên nay bà Bùi Thị M thay đổi yêu cầu tính lãi suất, cụ thể bà M yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm, tính từ ngày có đơn khởi kiện cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tạm tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2019 (sau 03 ngày kể từ ngày có thông báo đòi nợ) đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Không yêu cầu tính lãi suất quá hạn.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Chứng minh dân dân, sổ hộ khẩu của bà Bùi Thị M (bản sao); giấy mượn tiền ngày 21/12/2016; 01/01/2017; 26/02/2017; 10/7/2017; 01/10/2018 (bản sao);

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà M nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà D.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện của nguyên đơn ông Đặng Tấn P có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt không lý do.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 15 tháng 5 năm 2019, bà Bùi Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả số tiền vay 115.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Bùi Thị M khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị D, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn bà Nguyễn Thị D đang cư trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa và việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Qúa trình giải quyết vụ án, tại biên bản làm việc ngày 16 tháng 10 năm 2019, người đại diện của nguyên đơn ông Đặng Tấn P thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi suất, cụ thể bà M yêu cầu bà D phải trả tiền lãi suất theo mức lãi suất 09%/năm tương đương 0.75%/tháng, tính từ ngày 10/6/2019 (sau 03 ngày kể từ ngày có thông báo đòi nợ) đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Không yêu cầu tính lãi suất quá hạn.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị M.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về số tiền vay: Theo các giấy mượn tiền giữa bà Bùi Thị M và bà Nguyễn Thị D do bà Bùi Thị M cung cấp thể hiện bà Nguyễn Thị D có vay của bà Bùi Thị M, tổng cộng số tiền 115.000.000 đồng. Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, hợp đồng phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Nội dung hợp đồng không thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng có thỏa thuận khi nào bà M cần thì báo trước 03 ngày bà D sẽ trả đủ số tiền vay, tuy nhiên ngày 06/6/2019 bà Mỹ đã gửi đến bà D thông báo đòi nợ nhưng đến nay bà D vẫn không thanh toán nợ như thỏa thuận. Do bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, bà D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác nhưng bà D không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà D đã thanh toán cho bà M một phần hay toàn bộ số tiền đã vay 115.000.000 đồng. Do đó bà Bùi Thị M yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải

trả số tiền vay 115.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2]. Về lãi suất: Theo nội dung của các giấy mượn tiền giữa bà M và bà D thì các bên không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, nay bà M yêu cầu bà D trả lãi suất tính từ ngày 10/6/2019 (sau 03 ngày kể từ ngày có thông báo đòi nợ) đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là ngày 31/10/2019 theo mức lãi suất ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm tương đương lãi suất 0.75%/tháng, yêu cầu trả lãi của bà M phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận.

Như vậy, bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Bùi Thị M khoản tiền lãi suất tính từ ngày 10/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 31/10/2019 là 04 tháng 21 ngày, cụ thể: 115.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 04 tháng 21 ngày = 4.053.750 đồng.

Tổng cộng bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Bùi Thi M số tiền 119.053.750 đồng, trong đó nợ gốc: 115.000.000 đồng; lãi suất: 4.053.750 đồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị M đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận là 119.053.750 đồng, tương đương án phí là 5.952.687 đồng. Nguyên đơn bà Bùi Thị M không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 238, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị M về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị M số tiền 119.053.750 đồng (một trăm mười chín triệu không trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng), trong đó nợ gốc: 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng); lãi suất: 4.053.750 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 5.952.687 đồng (năm triệu chín trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho bà Bùi Thị M số tiền 3.625.000 đồng (ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034161, ngày 26/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
-VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Minh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hùng Dương Phạm Văn Lâm Nguyễn Thị Minh Nga